

Số: /KH-MTTQ-BTT

Sơn La, ngày 19 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 10/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.

2. Tăng cường niềm tin của Nhân dân, khơi dậy khát vọng về thời cơ, thách thức và trách nhiệm lịch sử to lớn trong bối cảnh thế giới đang có những thay đổi mang tính thời đại, đất nước sau Đại hội XIV của Đảng - Đại hội mở đầu kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, thịnh vượng; về những kết quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh Sơn La năm 2025 và những thành tựu to lớn của đất nước sau hơn 40 năm đổi mới, qua đó góp phần đưa đất nước tiến tới mốc son vẻ vang: 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập Nước.

3. Công tác tuyên truyền bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, phù hợp với nhiệm vụ thực tiễn của các cấp, các ngành, của từng địa phương, kịp thời định hướng những vấn đề mới, đột phá trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp, linh hoạt, sáng tạo; lồng ghép với tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác của đất nước, gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện quan trọng năm 2026 theo tinh thần đổi mới, thiết thực, hiệu quả, hướng đến Nhân dân; chủ động đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Nội dung tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026

1.1. Phân tích, làm rõ bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước năm 2025; khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu quả của Nhà nước trong việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để

đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện.

1.2. Tuyên truyền những thành tựu to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử, tạo nền tảng vững chắc để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Phân tích sâu sắc những nhân tố làm nên thành tựu to lớn sau 40 năm đổi mới đất nước, trong đó nhấn mạnh những nhân tố mang tính quyết định: sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; sự kết hợp hài hòa giữa nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài với ngoại lực là quan trọng, giữa kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với chủ động, sáng tạo trong hội nhập quốc tế.

1.3. Tuyên truyền sâu rộng, phân tích và làm rõ kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của đất nước, nhất là các thành tựu nổi bật, mang tính đột phá:

- Kinh tế duy trì đà phục hồi và tăng trưởng tích cực, tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới, quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Lạm phát được kiểm soát phù hợp, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, thu ngân sách nhà nước đạt kỷ lục¹; bội chi ngân sách, nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài được quản lý chặt chẽ, trong giới hạn. Hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế tiếp tục mở rộng². Đầu tư phát triển được tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, có sức lan tỏa cao; môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện³.

- Khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, là công cụ quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết và ổn định nền kinh tế, góp phần bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô. Việc cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh; hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực quản trị từng bước được nâng lên, phát huy vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

- Khu vực kinh tế tư nhân phát triển tích cực, khẳng định vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế⁴, giúp tạo việc làm cho đa số lực lượng lao động xã hội, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Nhiều doanh nghiệp tư nhân từng bước nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế, đóng góp tích cực vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện

¹ Lạm phát được kiểm soát 3,31%; Thu ngân sách nhà nước đạt kỷ lục, đến ngày 31/12/2025 đạt khoảng 2,65 triệu tỷ đồng, vượt dự toán tới 34,74% và tăng 30,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

² Quy mô thương mại quốc tế đạt kỷ lục hơn 930 tỷ USD năm 2025 (xuất khẩu nông sản lần đầu vượt 70 tỷ USD), thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới.

³ Đạt 38,4 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, nhiều nhất từ khi có vốn FDI (trong nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới).

⁴ Năm 2025 có 297.500 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, cao gấp 1,3 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; lũy kế đến nay, cả nước có 1,02 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, tăng trên 20% so với năm 2020

đại hóa; thương mại, dịch vụ, du lịch phục hồi nhanh, thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt mở rộng; nông nghiệp phát triển theo hướng sinh thái, hiện đại, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược được đẩy mạnh đầu tư với nhiều đột phá; các công trình giao thông, năng lượng, logistics, y tế, giáo dục, hạ tầng số và đô thị quy mô lớn được triển khai đồng bộ, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thu hút đầu tư, mở rộng không gian phát triển và từng bước khẳng định vai trò trung tâm kết nối của Việt Nam trong khu vực.

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại và được triển khai quyết liệt, đạt kết quả bước đầu quan trọng⁵; ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số được đẩy mạnh trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Kinh tế số, xã hội số có bước tiến rõ nét; nhiều nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia được xây dựng, kết nối, khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng năng suất lao động.

- Thể chế, chính sách về văn hóa được quan tâm, từng bước hoàn thiện. Nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hoá được tăng cường. Công nghiệp văn hoá đang trên đà phát triển. Các giá trị văn hoá thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, khơi dậy truyền thống yêu nước, củng cố niềm tin và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hội nhập quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng, góp phần nâng cao tiềm lực, vị thế, uy tín, sức mạnh mềm của quốc gia.

- Công tác an sinh xã hội được triển khai toàn diện, hiệu quả⁶; đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện; các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng. Giáo dục - đào tạo và y tế được tăng cường theo hướng đổi mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe toàn dân; tỷ lệ lao động qua đào tạo, thu nhập bình quân tiếp tục tăng, mạng lưới y tế cơ sở và độ bao phủ bảo hiểm y tế tiếp tục mở rộng. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, giáo dục thanh thiếu niên, bình đẳng giới được đẩy mạnh; hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm sớm hơn kế hoạch, phát triển nhà ở xã hội vượt chỉ tiêu. Các chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện nghiêm túc, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

- Công tác tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đẩy mạnh đồng bộ, quyết liệt, bảo đảm mục tiêu xây dựng bộ máy *“tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”*. Việc sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền được triển khai nghiêm túc, góp phần tổ chức lại không gian phát triển, bố trí hợp lý nguồn lực; đồng thời kiện toàn các cơ quan

⁵ Việt Nam vươn lên thứ hai trong ASEAN về đầu tư AI, thứ 6/40 quốc gia về chỉ số AI và thứ 44/139 về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu Mạng 5G đạt vùng phủ sóng trên 90% dân số, Trung tâm Dữ liệu quốc gia đi vào vận hành, đưa Việt Nam vào nhóm 5 quốc gia đầu tiên làm chủ trọn vẹn hệ sinh thái 5G...

⁶ Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,3% Theo xếp hạng của Liên hợp quốc, chỉ số hạnh phúc năm 2024 của Việt Nam xếp thứ 46, tăng 8 bậc so với năm 2024, 37 bậc so với năm 2020 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Chỉ số phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam năm 2025 xếp thứ hai Đông Nam Á.

trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, khắc phục chồng chéo, nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế và cải cách hành chính tiếp tục có nhiều chuyển biến rõ nét, giúp tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tạo đột phá phát triển trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

- Quản lý, sử dụng tài nguyên được tăng cường theo hướng chặt chẽ, hiệu quả. Công tác bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm đạt nhiều kết quả tích cực. Việc huy động, sử dụng các nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được đẩy mạnh; các chương trình, kế hoạch về tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn từng bước được triển khai đồng bộ. Công tác chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch được thúc đẩy, nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

- Tiềm lực quốc phòng, an ninh tiếp tục được củng cố, tăng cường; khả năng dự báo, xử lý các tình huống được nâng lên, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, bảo đảm an ninh, an toàn, an dân; an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng được tăng cường. Hoạt động đối ngoại diễn ra chủ động, tích cực, sôi động và hiệu quả trên cả bình diện song phương và đa phương, đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo thêm thuận lợi và thời cơ mới cho phát triển kinh tế - xã hội; góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục củng cố, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

1.4. Phân tích, dự báo một số yếu tố tác động đến nền kinh tế đất nước: bối cảnh quốc tế, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu đối mặt nhiều rủi ro; các thách thức an ninh phi truyền thống, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu gia tăng. Trong nước, triển vọng phát triển kinh tế - xã hội được đánh giá tích cực trên nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô, cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển hạ tầng chiến lược, thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chịu tác động mạnh từ bất ổn bên ngoài và những hạn chế nội tại như quy mô còn nhỏ, độ mở lớn, sức chống chịu và năng suất lao động chưa cao, quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn nhiều thách thức.

1.5. Tiếp tục tuyên truyền đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận mới về lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 5 pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về

phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam. Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, kết quả các Kỳ họp Quốc hội khóa XVI, trong đó cần tập trung phân tích sâu các giải pháp nâng cao hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống, đồng thời tạo đột phá phát triển các động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy tăng năng suất lao động nhanh, cao và bền vững.

1.6. Tiếp tục lan tỏa quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về nhận thức và định hướng nhiệm vụ, giải pháp chuẩn bị cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới; biến nhận thức, niềm tin thành ý chí, hành động cho cả hệ thống chính trị, mọi tầng lớp Nhân dân quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, tạo tiền đề hướng đến tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

1.7. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại về quan điểm, chủ trương, đường lối đối ngoại nhất quán của Đảng, Nhà nước; kết quả công tác triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, nhất là kết quả thực hiện mục tiêu ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tinh thần chủ động và tích cực hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc; bối cảnh mới trong nước và quốc tế năm 2026 tác động đến quá trình hội nhập của Việt Nam; những hoạt động đối ngoại lớn của Đảng và Nhà nước ta, các hoạt động ngoại giao Nhân dân tiêu biểu, các hoạt động của Việt Nam đăng cai tổ chức các Hội nghị quốc tế, đảm nhiệm trọng trách và vai trò trong các tổ chức, diễn đàn đa phương.

2. Nội dung tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026

2.1. Tuyên truyền các quan điểm phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030 được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên các lĩnh vực⁷ nhằm tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và toàn xã hội,

⁷ Các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/12/2025 về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/12/2025 về đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/12/2025 về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 30/12/2025 về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/12/2025 về thu hút đầu tư giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 30/12/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 30/12/2025 về bảo đảm an ninh quốc phòng giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30/12/2025 về tăng cường xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị ở xã, phường giai đoạn 2025 -

nhất là các thành phần kinh tế về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

2.2. Tuyên truyền về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2025, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026, trong đó tập trung chủ yếu vào:

2.2.1. Tuyên truyền sâu rộng, phân tích và làm rõ kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, đúng hướng và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh (*giảm dần ngành nông nghiệp, tăng dần ngành công nghiệp và dịch vụ*). Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển, theo hướng hữu cơ, tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, cơ giới hóa sản xuất (*giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh) tăng 6,76% so với cùng kỳ năm trước; diện tích cây ăn quả và cây sơn tra năm 2025 là 85.050 ha, tăng 2.257 ha, bằng 103% so với năm 2024; sản lượng quả ước đạt 510.000 tấn, tăng 30% so với năm 2024; toàn tỉnh công nhận 09 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; duy trì, quản lý 218 mã số vùng trồng; 262 chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản an toàn;...*). Sản xuất công nghiệp duy trì và phát triển (*Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2025 ước tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước*); hoạt động thương mại ổn định, hàng hóa lưu thông thông suốt, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp (*Giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu năm 2025 đạt 215 triệu USD, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước*); triển khai quyết liệt công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; dịch vụ, du lịch tăng trưởng khá (*Tổng lượng khách đến Sơn La trong năm 2025 đạt khoảng 5.300 nghìn lượt khách du lịch; doanh thu đạt khoảng 6.300 tỷ đồng*).

Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025. Công tác điều hành, quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; cắt giảm một số khoản chi không thiết yếu nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị của tỉnh; các chính sách tài khóa của Quốc hội và Chính phủ (*giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất*) được triển khai kịp thời, có hiệu quả đã hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Hoạt động tín dụng ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Nhân dân (*đến 31/12/2025, huy động vốn đạt 44.842 tỷ đồng, tăng 16,31% so với 31/12/2024 và tổng dư nợ cho vay đạt 53.729 tỷ đồng, tăng 8,64% so với 31/12/2024. Nợ xấu nội bảng của các tổ chức tín dụng chiếm tỷ lệ 0,69% tổng dư nợ*). Công tác hỗ trợ và thu hút đầu tư được quan tâm; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh (*trong năm 2025, đã phê duyệt 39 hồ sơ đề xuất dự án đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký đầu tư 22.107 tỷ đồng, tăng gấp 12,7 lần so với*

2030; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giải quyết những tồn tại, vướng mắc và quản lý, sử dụng hiệu quả đất có nguồn gốc nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát, sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030.

tổng vốn đăng ký năm 2024 (Năm 2024 cấp mới 14 dự án với vốn đăng dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị ở xã, phường giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giải quyết những tồn tại, vướng mắc và quản lý, sử dụng hiệu quả đất có nguồn gốc nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2025 - 2030; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát, sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030. Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 7 ký 1.737,08 tỷ đồng)); các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân được thực hiện tích cực, đồng bộ, hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã ngày càng khẳng định được vai trò, vị thế và đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (hết năm 2025, toàn tỉnh có gần 4.800 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký trên 142.000 tỷ đồng, trong đó thành lập mới khoảng 870 doanh nghiệp, tăng 134,5% so với cùng kỳ năm trước; có 1.145 hợp tác xã hoạt động, trong đó thành lập mới 96 hợp tác xã). Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông (ngày 18/5/2025, đã tổ chức Lễ khởi công dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Sơn La), y tế, giáo dục, viễn thông và công nghệ thông tin.

Đời sống Nhân dân ổn định; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đẩy mạnh, nhất là trong các ngày Lễ lớn của đất nước, của tỉnh (tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày thành lập tỉnh (10/10/1895-10/10/2025); Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh lần thứ VI; các sự kiện, hoạt động xúc tiến du lịch như: Sắc màu Sơn La tại thành phố Đà Nẵng, Khu du lịch quốc gia Mộc Châu lần thứ 3 được nhận giải thưởng "Điểm đến Thiên nhiên hàng đầu Thế giới", lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh là "Điểm đến thiên nhiên hàng đầu khu vực châu Á";...); công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh (đến ngày 15/5/2025, đã hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát sớm 5 tháng so với chỉ đạo của Chính phủ); các hoạt động tư vấn về việc làm, thông tin thị trường lao động tiếp tục được duy trì. Công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân được quan tâm thực hiện. Chất lượng giáo dục, đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực (trong năm có 2.493 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh và 34 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, kết quả cao nhất từ trước đến nay; tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2025 trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ thí sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt 99,59%). Công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt (toàn tỉnh hiện cung cấp 2.119 thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến; triển khai thực hiện hiệu quả các Hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh (Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, Sổ tay đảng viên điện tử, Số hóa tài liệu lưu trữ); 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); các hệ thống thông tin dùng chung

của tỉnh Sơn La phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành hoạt động ổn định, cụ thể là: (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; (2) Hệ thống họp trực tuyến; (3) Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; (4) Hệ thống thư điện tử công vụ; (5) Hệ thống thông tin báo cáo; (6) Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; (7) Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành, UBND cấp xã.

2.2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2026

- Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng lực nội tại, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của các thành phần kinh tế; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường; thúc đẩy mạnh mẽ ứng Tài liệu này thuộc quyền sở hữu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 8 dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số toàn diện trong các lĩnh vực. Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; quan tâm phát triển nguồn nhân lực; phát triển văn hóa - xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; ưu tiên bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phát triển. Đồng thời, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, bền vững và bảo vệ sinh thái. củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, nhất là quan hệ hợp tác với 9 tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026

Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) đạt 8% trở lên. (2) GRDP bình quân đầu người đạt trên 75,0 triệu đồng/người. (3) Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng từ 22 - 23%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 29 - 30%, dịch vụ chiếm khoảng 42 - 43%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 6%. (4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 25.100 tỷ đồng. (5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 5.050 tỷ đồng. (6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 21,5%. (7) Tổng lượt khách du lịch đạt 5.850 nghìn lượt/năm. (8) Tổng thu từ khách du lịch đạt 7.140 tỷ đồng.

Về xã hội: (10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 57,3%. (11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67,0%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp văn bằng chứng chỉ là 32,0%. (12) Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm bình quân 1,5 -2 điểm %/năm. (13) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 96,2% dân số trở lên. (14) Đến hết năm 2026, toàn tỉnh có 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới. (15) Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 74,2%. (16) Tỷ lệ bản, tiểu khu, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng di động 5G đạt 44,65%. (17) Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đạt 95,06% trở lên. (18) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đạt 90,06% trở lên.

Về môi trường: (19) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử

lý đạt 94%. (20) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 94,4%. (21) Tỷ lệ che phủ rừng và cây ăn quả thân gỗ, cây phân tán quy đổi của tỉnh Sơn La đạt ổn định 48,5%. 2.3. Đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, kịp thời phát hiện, cổ vũ, biểu dương nhân tố mới và nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. 2.4. Đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch xuyên tạc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

Các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường tùy điều kiện cụ thể của địa bàn, cơ quan, đơn vị mình lựa chọn các hình thức tuyên truyền phù hợp như: Tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền lồng ghép gắn với sinh hoạt kỷ niệm ngày truyền thống; sinh hoạt câu lạc bộ, tọa đàm, giao lưu gặp mặt, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ... Tuyên truyền trên các trang thông tin điện tử, Fanpage, Facebook, Zalo ... của các cơ quan, đơn vị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường phối hợp với Ban Xây dựng Đảng đảng uỷ xã, phường xây dựng kế hoạch tuyên truyền đảm bảo mục đích, yêu cầu, phù hợp với nhiệm vụ chung và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

Nơi nhận:

- BTT Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức thành viên Mặt trận tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường
- Các ban, Văn phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lưu: VT, (*Nguyễn Thanh*).

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Thị Lương Tâm